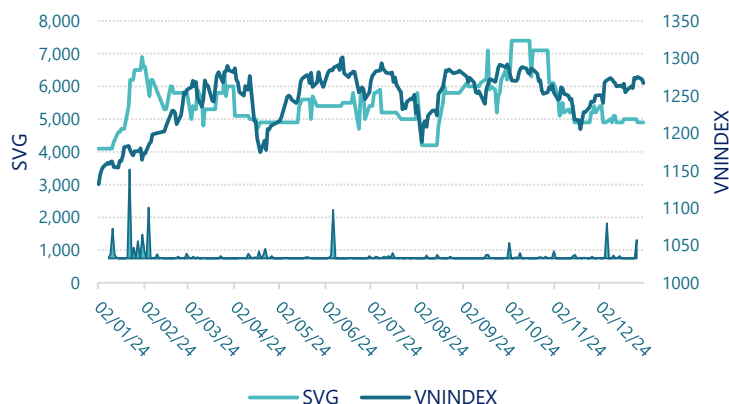


CTCP Hơi Kỹ nghệ Que Hàn (UPCOM: SVG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	4,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,100
SL cổ phiếu LH	29,350,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,990
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	144
P/E	1263.2
EPS	4

DT thuần

Q4/24

59.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.20 | -2.1%

YoY: ▼4.60 | -7.2%

LN sau thuế

Q4/24

0.08

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.17 | -69.2%

YoY: ▲0.14 | 228%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

2.4%

+/- YoY: ▼1.3%

DT thuần

2024

238

tỷ VNĐ

YoY: ▲2.00 | 0.5%

LN sau thuế

2024

0.11

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.01 | -3.6%

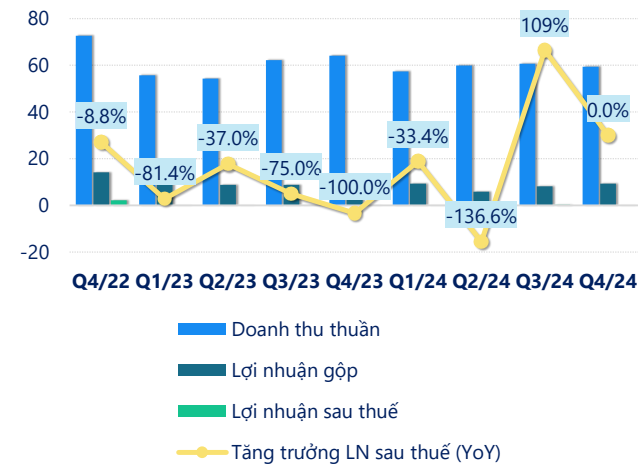
ROE

2024

0.0%

tỷ VNĐ

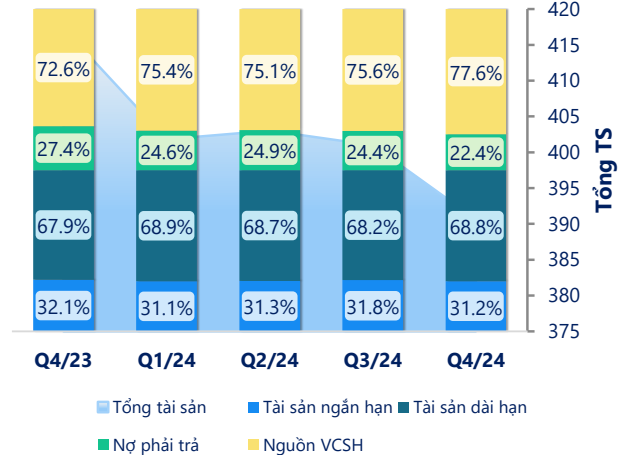
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

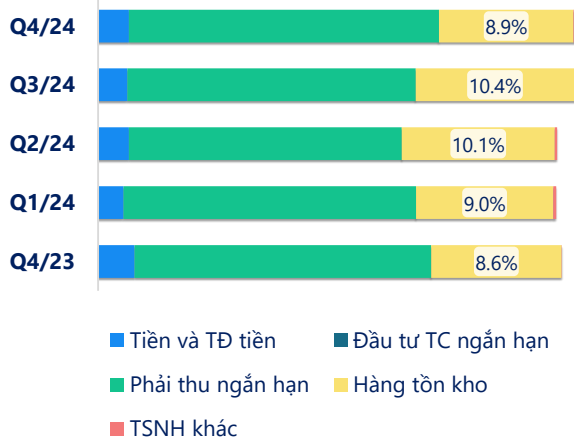
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



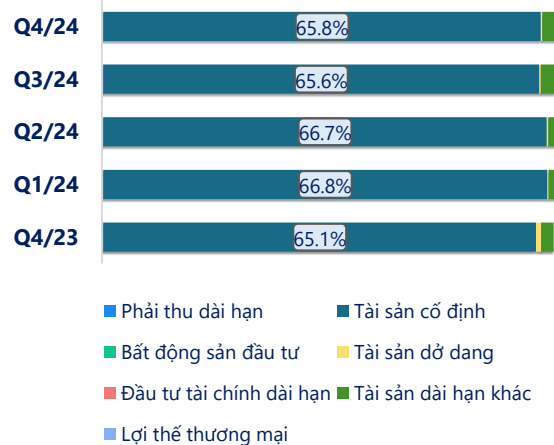
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

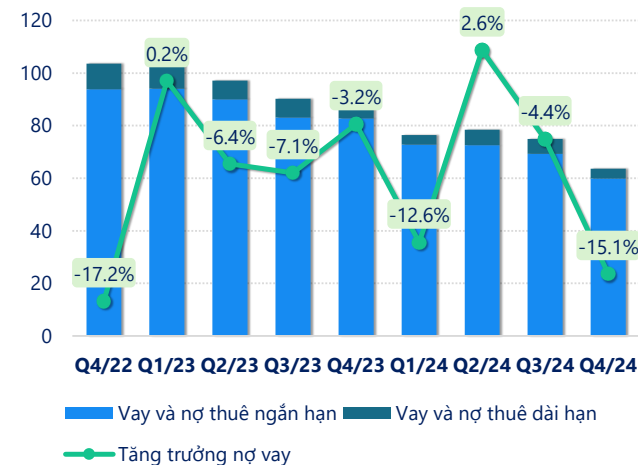
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

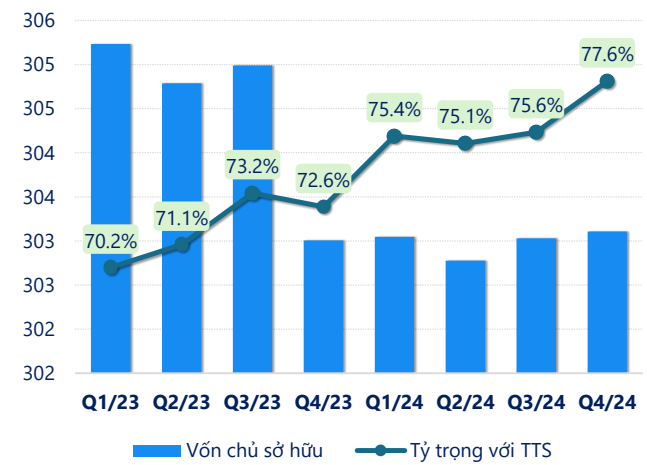
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

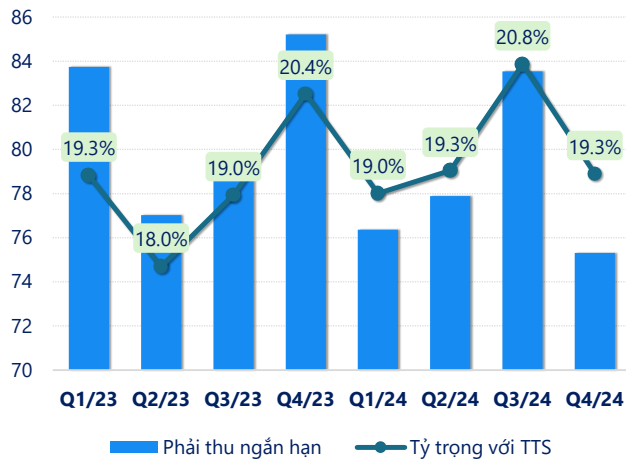
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



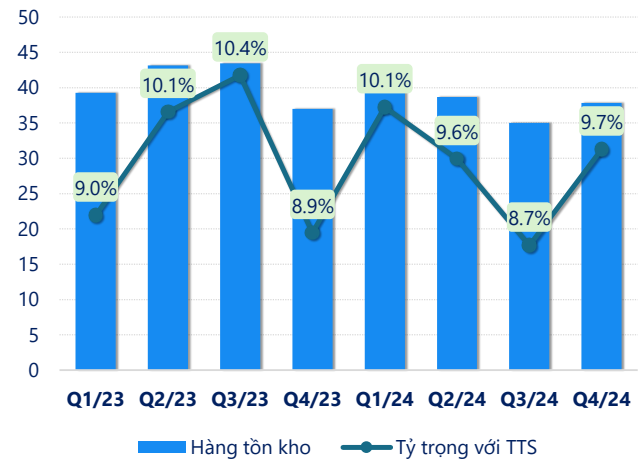
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


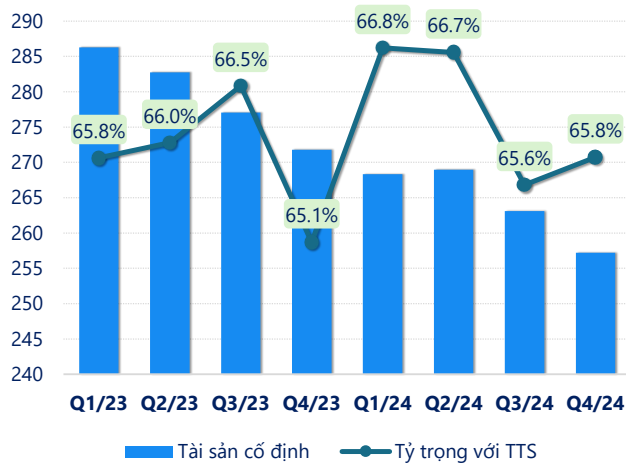
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


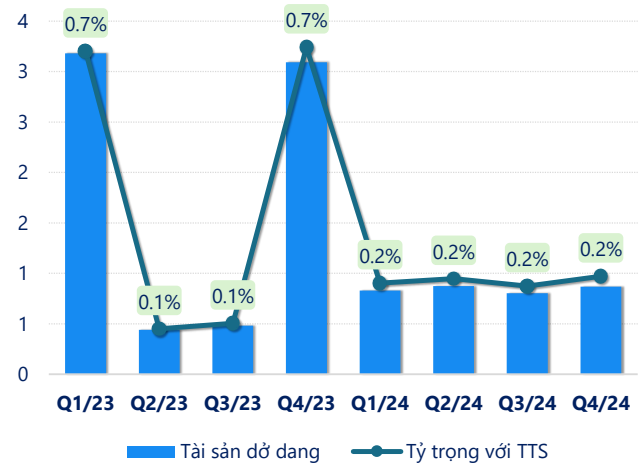
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

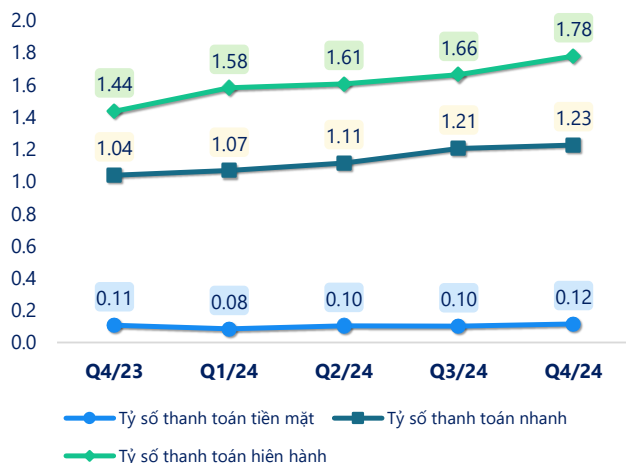
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

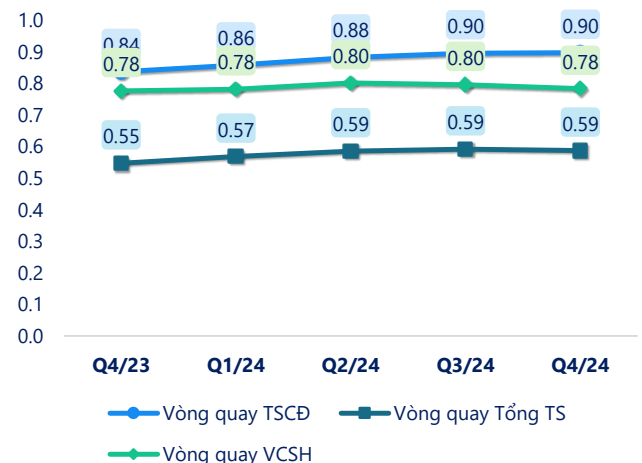
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	417	402	403	401	391
Tài sản ngắn hạn	134	125	126	127	122
Tiền và tương đương tiền	10.0	6.71	8.16	7.77	7.90
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	85.2	76.4	77.9	83.5	75.3
Hàng tồn kho	37.0	40.6	38.7	35.0	37.8
Tài sản ngắn hạn khác	1.53	1.18	1.58	1.07	0.81
Tài sản dài hạn	284	277	277	274	269
Phải thu dài hạn	0.85	0.85	0.78	0.78	0.78
Tài sản cố định	272	268	269	263	257
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	3.09	0.83	0.87	0.80	0.87
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	7.86	6.97	6.12	8.91	9.92
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	114	98.8	100	98.0	87.6
Nợ ngắn hạn	93.2	78.9	78.6	76.6	68.5
Vay và nợ thuê ngắn hạn	82.8	72.8	72.5	69.3	59.8
Phải trả người bán ngắn hạn	6.35	4.55	3.98	5.80	4.94
Nợ dài hạn	21.2	19.9	21.7	21.3	19.0
Vay và nợ thuê dài hạn	4.61	3.60	5.84	5.64	3.80
Nguồn vốn chủ sở hữu	303	303	303	303	303
Vốn chủ sở hữu	303	303	303	303	303
Vốn điều lệ	294	294	294	294	294
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)